5.7 Đề cương chi tiết học phần

Mẫu 5.7

**TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM TP.HCM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**KHOA/BM: Trung tâm Tin học.**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022*

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

**NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH**: Kỹ sư, Cử nhân

**1. Thông tin chung về học phần**

* Tên học phần: Tin học đại cương
* Tên tiếng Anh: General Informatics
* Mã học phần: 214103
* Số tín chỉ: 3
* Điều kiện tham gia học tập học phần:

*Môn học tiên quyết:*

*Môn học trước: Tin học tại trường phổ thông*

* *Bộ môn*:
* *Khoa*:
* Phân bố thời gian: 10 tuần
* Học kỳ: 1 (năm thứ 2)

Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cơ bản 🗹 | | Cơ sở ngành □ | | Chuyên ngành □ | |
| Bắt buộc 🗹 | Tự chọn □ | Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc□ | Tự chọn □ |

**Ngôn ngữ giảng dạy**: tiếng Anh □ Tiếng Việt □

**2. Thông tin về giảng viên:**

* Họ và tên: Trần Minh Hảo
* Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
* Thời gian, địa điểm làm việc: Trung tâm Tin học, Nhà T4
* Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Tin học, KP6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP. HCM
* Điện thoại, email: tmhao@hcmuaf.edu.vn
* Các hướng nghiên cứu chính: E-Learning, E-Commerce.
* Thông tin về trợ giảng/ giảng viên cùng giảng dạy (nếu có) (họ và tên, điện thoại, email):

**3. Mô tả học phần:**

*Tin học đại cương là môn học khởi đầu giúp học viên tiếp cận với lĩnh vực công nghệ thông tin, học viên sẽ nắm rõ được các khái niệm về thông tin, máy tính nói riêng và về công nghệ thông tin nói chung. Học viên có thể nắm rõ thành phần cấu tạo và nguyên lý hoạt động của máy tính, sử dụng thành thạo, cài đặt phần mềm, quản lý dữ liệu, tự tìm ra nguyên nhân và xử lý được các lỗi cơ bản trong quá trình sử dụng. Nội dung môn học còn giúp học viên có thể sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như MS Word, MS Powerpoint, MS Excel, MS Access. Bên cạnh đó, học viên được trang bị kiến thức về mạng internet, sử dụng được các thủ thuật tìm kiếm trên mạng, giúp khai thác và sử dụng thông tin hiệu quả, phục vụ tốt nhu cầu học tập, làm việc, nghiên cứu khoa học trong lĩnh chuyên môn sau này.*

**4. Mục tiêu và chuẩn đầu ra**

* Kiến thức:
  + Hiểu rõ và vận dụng kiến thức về máy tính, về hệ điều hành, thao tác cài đặt phần mềm, làm việc với file và thư mục (tạo, đổi tên, tìm kiếm, xóa) trên hệ điều hành Windows.
  + Hiểu rõ về thông tin và xử lý thông tin, phân loại được các loại máy tính.
  + Hiểu rõ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trên các lĩnh vực khác nhau.
  + Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của các thành phần cơ bản của một máy tính.
  + Hiểu rõ về internet, các công cụ tìm kiếm google như Google Search, Google Translate, Google Trends, Google Map, Google Adwords.
  + Hiểu rõ và vận dụng các phần mềm văn phòng của Microsoft vào việc soạn thảo văn bản, tính toán, tổ chức và quản trị CSDL, trình chiếu.
* Kỹ năng:
  + Có khả năng cài đặt, thiết lập quyền hạn của các user trên hệ điều hành windows.
  + Có khả năng định dạng văn bản theo yêu cầu.
  + Có khả năng làm thuyết trình trước một tập thể.
  + Vận dụng các công cụ tìm kiếm để khai thác thông tin, tài nguyên trên internet.

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra Tin học (IC3) sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *(Bảng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần cho PLOs của CTĐT, trích từ mẫu 5.4).*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | | | | | | | | | | | |
| PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 | PLO 15 | PLO 16 |
| 214103 | Tin học đại cương | H | H | N | N | N | N | N | S | H | H | S | N | H | N | N | N |

Ghi chú:

*N : Không đóng góp/không liên quan*

*S : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều*

*H : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều*

* Chuẩn đầu ra của học phần (*theo thang đo năng lực của Bloom*):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **Chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được** | **CĐR của CTĐT** |
| **Kiến thức** | | |
| CLO1 | Hiểu rõ về công nghệ thông tin, đơn vị thông tin, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực khác. | PLO1 |
| CLO2 | Nắm bắt nguyên lý hoạt động của phần cứng máy tính. | PLO2 |
| CLO3 | Hiểu rõ và thực hiện được việc tải, cài đặt, sử dụng các phần mềm, nắm bắt được nguyên lý làm việc hệ điều hành windows, thao tác với tập tin, thư mục. | PLO2 |
| CLO4 | Hiểu rõ về internet, nắm bắt và áp dụng các công cụ để hỗ trợ tìm kiếm, phân tích, thống kê dữ liệu phục yêu cầu thực tiễn. | PLO2, PLO11 |
| CLO5 | Hiểu rõ và áp dụng được các thao tác xử lý văn bản trên MS Word để giải quyết nhu cầu của thực tiễn. | PLO2, PLO11 |
| CLO6 | Hiểu rõ và áp dụng xử lý bảng tính, thực hiện tính toán, sử dụng các hàm cơ bản trong MS Excel và quản trị dữ với MS Access. | PLO2 |
| CLO7 | Có khả năng thiết kế slide trình chiếu, báo cáo trên MS Powerpoint. | PLO2 |
| **Kĩ năng** | | |
| CLO8 | Làm việc độc lập, tự học, tự tìm hiểu | PLO9, PLO10 |

**5. Phương pháp giảng dạy và học tập**

1. Phương pháp giảng dạy:

* *Thuyết giảng kết hợp trình chiếu video và Demo trực tiếp*
* *Thảo luận*

1. Phương pháp học tập

* *Sinh viên tự đọc tài liệu, phát triển giả thuyết và câu hỏi liên quan*
* *Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm*
* *Sinh viên tự tìm hiểu các vấn đề tương tự và liên quan*
* *Sinh viên chuẩn bị trước các bài tập cho mỗi buổi thực hành*

**6. Nhiệm vụ của sinh viên**

* *Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% số lượng tiết giảng*
* *Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước các bài giảng và các tài liệu có liên quan do giảng viên cung cấp, phát triển các giả định và câu hỏi liên quan.*
* *Làm sẵn các bài tập để trao đổi, giái quyết các vấn đề gặp phải*
* *Thái độ: tích cực tham gia thảo luận, đặt câu hỏi và cầu thị, chăm chỉ làm hết các bài tập được giao*

**7. Đánh giá và cho điểm**

1. Thang điểm: 10
2. Kế hoạch đánh giá và trọng số

**Bảng 1. Matrix đánh giá CĐR của học phần (***tỷ lệ điểm**theo quy chế học vụ của trường ĐHNL TP.HCM***)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các CĐR của học phần** | **Chuyên cần** | **Bài tập thực hành** | **Thi giữa kỳ** | **Thi cuối kỳ (70%)** |
| **(5%)** | **(5%)** | **(20%)** |
| CLO1 | X | X | X | X |
| CLO2 | X | X | X | X |
| CLO3 | X | X | X | X |
| CLO4 | X | X | X | X |
| CLO5 | X | X | X | X |
| CLO6 | X | X |  | X |
| CLO7 | X | X |  | X |
| CLO8 | X | X | X | X |

**Các Rubric đánh giá học phần**

**Rubric 1. Đánh giá chuyên cần**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức độ** | | | |
| **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt yêu cầu** |
| **9-10** | **Từ 7-8** | **4-6** | **<4** |
| Có mặt trên lớp (\*) | 70 | 96%-100% tổng số buổi học của học phần | 86%-95% tổng số buổi học của học phần | 80%-85% tổng số buổi học của học phần | < 80% tổng số buổi học của học phần |
| Thái độ tham dự | 30 | Nhiệt tình phát biểu, đặt câu hỏi, và tham gia các hoạt động trên lớp | Có phát biểu, đặt câu hỏi, và tham gia các hoạt động trên lớp | Rất ít khi phát biểu, đặt câu hỏi, và tham gia các hoạt động trên lớp | Không bao giờ phát biểu, đặt câu hỏi hay tham gia các hoạt động trên lớp |

(\*) Giảng viên có thể cho sinh viên ký tên vào danh sách điểm danh theo từng buổi học hoặc tạo google form cho SV điểm danh

**Ghi chú:** “*Sinh viên phải dự lớp 100% số giờ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất; phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các học phần lý thuyết. Sinh viên vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy (CBGD) học phần đề nghị Khoa/Bộ môn duyệt danh sách SV bị cấm thi, thông báo trong buổi học cuối và cho điểm F vào bảng điểm*.” (trích Điều 18 Quy chế học vụ của Trường Đại học Nông Lâm TPHCM).

**Rubric 3. Đánh giá thuyết trình (Cá nhân)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức độ** | | | |
| **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt yêu cầu** |
| **9-10** | **7-8** | **4-6** | **<4** |
| Nội dung trình bày | 20 | Phong phú | Đầy đủ | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng |
| 30 | Chính xác, khoa học | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng |
| Cấu trúc và tính trực quan | 10 | Cấu trúc rất hợp lý | Cấu trúc khá hợp lý | Cấu trúc tương đối hợp lý | Cấu trúc chưa hợp lý |
| 10 | Rất trực quan và thẩm mỹ | Khá trực quan | Tương đối trực quan | Rất khó theo dõi |
| Kỹ năng trình bày | 20 | Lôi cuốn, thuyết phục. Tương tác bao quát với người nghe và làm chủ thời gian báo cáo. | Rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn. Tương tác khá bao quát với người nghe, hoàn thành đúng thời gian báo cáo nhưng còn vài phần chưa cân đối. | Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được. Thỉnh thoảng tương tác nhưng chưa bao quát với người nghe, hoàn thành đúng thời gian báo cáo nhưng rất nhiều phần chưa cân đối. | Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được. Không tương tác với người nghe, thời gian báo cáo quá giờ. |
| Trả lời câu hỏi | 10 | trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng | Trả lời đúng đa số, còn sai sót nhỏ | Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng | Không trả lời được đa số câu hỏi |

**Rubric 4. Đánh giá báo cáo chuyên đề/ seminar (theo nhóm)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Tỷ lệ (%)** | **Mức độ** | | | |
| **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Không đạt yêu cầu** |
| **9-10** | **7-8** | **4-6** | **<4** |
| Nội dung | 50 | Phong phú | Đầy đủ | Khá đầy đủ, thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng |
| Trình bày báo cáo | 10 | Mạch lạc, rõ ràng | Khá mạch lạc, rõ ràng | Tương đối rõ ràng | Thiếu rõ ràng |
| 10 | Lập luận khoa học và logic | Lập luận khá khoa học và logic, còn một vài sai sót nhỏ | Lập luận có dựa vào căn cứ khoa học nhưng còn một sai sót quan trọng | Lập luận không có căn cứ khoa học và logic | |
| Tương tác với người nghe | 10 | Tương tác tốt | Tương tác khá tốt | Tương tác bằng mắt, cử chỉ tương đối tốt, còn vài sai sót nhỏ | Không có tương tác bằng mắt và cử chỉ/sai sót lớn trong tương tác | |
| 10 | Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi quan trọng | Trả lời khá thỏa đáng đa số câu hỏi quan trọng | Trả lời tương đối thỏa đáng một số câu hỏi quan trọng, còn nhiều câu chưa trả lời được | Trả lời sai tất cả các câu hỏi quan trọng | |
| (\*) Sự phối hợp trong nhóm | 10 | Nhóm phối hợp tốt | Nhóm phối hợp khá tốt | Nhóm có phối hợp nhưng chưa tốt | Không thề hiện sự phối hợp | |

**Ghi chú:** Giảng viên có thể linh động cộng điểm ưu tiên cho người thuyết trình sau khi đã tổng hợp điểm cuối cùng của hình thức đánh giá này (nếu cần).

**Rubric 5. Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Tỷ lệ (%) | Mức độ | | | |
| Tốt | Khá | Trung bình | Không đạt yêu cầu |
| 9-10 | 7-8 | 4-6 | <4 |
| Thời gian tham gia họp nhóm | 15 | Tham gia 90-100% các buổi họp | Tham gia 70-80% các buổi họp | Tham gia 40-60% các buổi họp | Tham gia <40% các buổi họp |
| Thái độ tham gia | 15 | Kết nối tốt | Kết nối khá tốt khác | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở | Không kết nối |
| Ý kiến đóng góp | 20 | Sáng tạo/rất hũu ích | Hũu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| Thời gian giao nộp sản phẩm | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục |
| Chất lượng sản phẩm giao nộp | 30 | Đáp ứng tốt/sáng tạo | Đáp ứng khá tốt yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng | Không sử dụng được |

**8. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

1. IIG Viet Nam, 2020, IC3 GS5, NXB Tổng Hợp TPHCM.
2. Ciprian Adrian Rusen, 2019, IC3 GS5 Computing Fundamentals, NXB Sybex.
3. Ciprian Adrian Rusen, 2019, IC3 GS5 Lingving Online, NXB Sybex.

**9. Nội dung chi tiết của học phần:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Nội dung** | **CĐR chi tiết (LLOs)** | **Hoạt động dạy và học** | **Hoạt động đánh giá (Rubic)** | **CĐR học phần (CLOs)** |
| **1** | **Giới thiệu về công nghệ thông tin** | * Nắm bắt tổng quan về ngành công nghệ thông tin. * Hiểu rõ cơ hội việc làm trong lĩnh vực CNTT | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 | CLO1  CLO8  CLO9 |
| **2** | **Hardware** | * Hiểu rõ nguyên lý hoạt động của các thành thần trên máy tính. * Thực hiện các thao tác tháo lắp máy tính * Xây dựng được cấu hình máy phù hợp nhu cầu. | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 | CLO2  CLO8  CLO9 |
| **3** | **Software** | * Nắm rõ cách thức tra cứu thông tin trên máy tính. * Thực hiện điều chỉnh được các thiết lập trên hệ thống. * Thực hiện được các bước tải, cài đặt, tùy chỉnh phần mềm. | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành * Tìm hiểu thêm các phần mềm ứng dụng khác. | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 | CLO3  CLO8  CLO9 |
| **4** | **Hệ điều hành Windows** | * Thực hiện cài đặt, backup, restore lại hệ điều hành Windows. * Vận dụng để phân chia quyền hạn trên tập tin, thư mục | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 | CLO3  CLO8  CLO9 |
| **5** | **Internet và Công cụ tìm kiếm trên mạng** | * Thực hiện được kết nối internet trên máy tính cá nhân. * Vận dụng tìm kiếm dữ liệu sử dụng công cụ tìm kiếm google. | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành * Tìm hiểu thêm tính năng trong gmail. | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 | CLO4  CLO8  CLO9 |
| **6** | **Soạn thảo văn bản MS Word** | * Thực hiện được các định dạng cơ bản trên MS Word. * Thực hiện cài đặt mục lục tự động cho tài liệu. | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành * Làm thêm BT mở rộng * Tìm hiểu thêm về mailmerge | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4  - Đánh giá thi thực hành R5 | CLO5  CLO8  CLO9 |
| **7** | **Bảng tính**  **MS Excel và quản trị CSDL Access** | * Thực hiện định dạng và in bảng tính. * Xây dựng được các hàm tính toán cho các yêu cầu cụ thể. * Thực hiện được các thao tác về CSDL (Import, Link dữ liệu, Query, Form, Report…) | * Nghe giảng * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành * Làm thêm BT mở rộng | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4  - Đánh giá thi thực hành R5 | CLO6  CLO8  CLO9 |
|  | **Trình bày**  **MS Powerpoint** | * Thực hiện thiết lập được định dạng chung cho bản trình chiếu bằng slide master. | * Nghe giảng | - Chuyên cần R1  - Đánh giá bài tập thực hành R3  - Đánh giá thi tự luận R4 |  |
| **8** | * Phát biểu/chia sẻ ý kiến trên lớp * Tham gia thực hành | CLO7  CLO8  CLO9 |

**10. Hình thức tổ chức dạy học:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học môn học (tiết) | | | | | Tổng |
| Lý thuyết | Bài tập | Thảo luận | TH/TT | Tự học |
| Chương 1 | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | 3 |
| Chương 2 | 3 | 0 | 0 | 3 | 6 | 6 |
| Chương 3 | 3 | 0 | 0 | 3 | 6 | 6 |
| Chương 4 | 3 | 0 | 0 | 3 | 6 | 6 |
| Chương 5 | 3 | 0 | 0 | 6 | 3 | 9 |
| Chương 6 | 6 | 0 | 0 | 6 | 6 | 12 |
| Chương 7 | 6 | 0 | 0 | 6 | 6 | 12 |
| Chương 8 | 3 | 0 | 0 | 3 | 3 | 6 |
| TỔNG | 30 | 0 | 0 | 30 | 42 | 60 |

**11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

* Phòng học, thực hành: Máy tính kết nối mạng.
* Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, microphone, kết nối Internet.
* Phần mềm cài đặt: Hệ điều hành Windows 10 và Microsoft Office 2020.

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2022*

**TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**ThS. Trần Minh Hảo**